

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM

DANH SÁCH

Đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển giáo viên Trung học cơ sở năm 2024
(Kèm theo Tờ trình số /UBND-NV ngày /6/2025 của UBND quận Nam Từ Liêm)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị công tác	XẾP LƯƠNG TUYỂN DỤNG							Chứng chỉ CDNN	Thời điểm hưởng	Thời gian tính năng lương lần sau	Thời điểm có bằng phù hợp VTVL	Tổng số năm, tháng đóng BHXH sau khi trừ thời gian phải tập sự
				Thời gian làm việc (bắt đầu)	Thời gian làm việc (kết thúc)	Thời gian công tác đúng chuyên môn, có đóng BHXH phù hợp với vị trí việc làm được tuyển dụng (tính đến tháng 02/2025 có cộng dồn)	Thời gian phải thực hiện chế độ tập sự (tháng)	Mã số	Bậc	Hệ số					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)		14	(15)	(16)
(1)	Đỗ Thị Linh	28/4/1998	THCS Mỹ Đình 2			12	12	V.07.04.32	1	2.34	09/01/2025	03/02/2025	01/2025	24/03/2022	0
2	Nguyễn Thị Mến	05/01/1997	THCS Mỹ Đình 2			41	12	V.07.04.32	1	2.34	14/01/2025	03/02/2025	10/2022	24/3/2022	29
3	Vũ Thị Hải Nguyệt	27/10/1998	THCS Đại Mỗ			38	12	V.07.04.32	1	2.34	09/01/2025	03/02/2025	12/2022	02/7/2021	26
4	Lê Thị Lan Hương	24/4/1999	THCS Mỹ Đình 1			18	12	V.07.04.32	1	2.34	06/01/2025	03/02/2025	09/2024	18/5/2022	6
5	Nguyễn Thị Cẩm Vân	15/5/1996	THCS Xuân Phương			23	12	V.07.04.32	2	2.67	21/01/2025	03/02/2025	04/2024	2018	11
6	Hoàng Thị Hằng	07/02/1990	THCS Xuân Phương			86	12	V.07.04.32	4	3.33	20/3/2025	03/02/2025	12/2024	26/6/2013	74
7	Nguyễn Thị Lan Anh	01/9/1997	THCS Cầu Diễn			28	12	V.07.04.32	1	2.34	14/01/2025	03/02/2025	09/2023	24/3/2022	16
8	Bach Thị Huệ	23/3/1988	THCS Tây Mỗ 3			64	12	V.07.04.32	2	2.67	09/01/2025	03/02/2025	11/2023	15/8/2013	52
9	Nguyễn Thị Kiều Anh	16/6/2000	THCS Tây Mỗ 3			24	12	V.07.04.32	1	2.34	25/02/2025	03/02/2025	03/2024	18/5/2022	12
10	Đỗ Thị Thu Trang	13/6/1995	THCS Tây Mỗ 3			66	12	V.07.04.32	2	2.67	14/01/2025	03/02/2025	09/2023	24/3/2022	54
11	Nguyễn Như Hoa	01/10/1994	THCS Cầu Diễn			87	12	V.07.04.32	3	3.00	23/7/2024	03/02/2025	3/2024	13/3/2019	75
12	Vũ Thị Hồng Ánh	02/4/1990	THCS Nguyễn Quý Đức			12	12	V.07.04.32	1	2.34	04/03/2025	03/02/2025	03/5/2025	18/6/2013	0
13	Nguyễn Huyền My	20/6/1998	THCS Nguyễn Quý Đức			33	12	V.07.04.32	1	2.34	20/3/2025	03/02/2025	06/2023	24/6/2019	21
14	Nguyễn Thị Thuý Trang	06/03/1982	THCS Nguyễn Quý Đức			22	12	V.07.04.32	1	2.34	20/3/2025	03/02/2025	05/2024	27/01/2010	10
15	Ngô Thị Bích Hồng	06/12/1993	THCS Trung Văn			29	12	V.07.04.32	1	2.34	14/4/2025	03/02/2025	10/2023	12/6/2015	17
16	Nguyễn Thuý Linh	02/8/1995	THCS Tây Mỗ			51	12	V.07.04.32	3	3.00	31/3/2025	03/02/2025	12/2024	26/6/2020	39
17	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	04/9/1998	THCS Tây Mỗ			23	12	V.07.04.32	1	2.34	31/3/2025	03/02/2025	04/2024	29/6/2020	11
18	Phạm Thị Ngọc Ánh	14/9/2000	THCS Tây Mỗ			14	12	V.07.04.32	1	2.34	31/3/2025	03/02/2025	12/2024	31/8/2022	2
19	Nguyễn Thị Hằng	14/7/2000	THCS Lý Nam Đế			17	12	V.07.04.32	1	2.34	31/3/2025	03/02/2025	11/2024	09/06/2023	5
20	Trương Thị Thuý	14/4/2000	THCS Lý Nam Đế			13	12	V.07.04.32	1	2.34	31/3/2025	03/02/2025	01/2025	18/5/2022	1
21	Vũ Trung Hiếu	01/4/1999	THCS Lý Nam Đế			13	12	V.07.04.32	1	2.34	31/3/2025	03/02/2025	01/2025	16/7/2021	1
22	Hứa Hải Linh	28/02/1995	THCS Tây Mỗ 3			17	12	V.07.04.32	1	2.34	31/3/2025	03/02/2025	9/2024	25/01/2021	5

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị công tác	XẾP LƯƠNG TUYỂN DỤNG							Chứng chỉ CDNN	Thời điểm hưởng	Thời gian tính năng lương lần sau	Thời điểm có bằng phù hợp VTVL	Tổng số năm, tháng đóng BHXH sau khi trừ thời gian phải tập sự
				Thời gian làm việc (bắt đầu)	Thời gian làm việc (kết thúc)	Thời gian công tác đúng chuyên môn, có đóng BHXH phù hợp với vị trí việc làm được tuyển dụng (tính đến tháng 02/2025 có cộng dồn)	Thời gian phải thực hiện chế độ tập sự (tháng)	Mã số	Bậc	Hệ số					
23	Phạm Thị Thu Hiền	22/01/1982	THCS Tây Mỗ 3			161	12	V.07.04.32	5	3.66	31/3/2025	03/02/2025	10/2024	16/7/2004	149
24	Vũ Thị Trang	20/5/1990	THCS Tây Mỗ 3			13	12	V.07.04.32	2	2.67	31/3/2025	03/02/2025	01/2025	30/01/2018	1
25	Phạm Minh Trang	04/06/2001	THCS Tây Mỗ 3			12	12	V.07.04.32	1	2.34	10/02/2025	03/02/2025	03/5/2025	22/5/2023	0
26	Trần Thùy Dương	09/11/1995	THCS Phú Đô			64	12	V.07.04.32	2	2,67	14/01/2025	03/2/2025	10/2023	25/02/2020	52
27	Đặng Trà My	19/7/1996	THCS Phú Đô			48	12	V.07.04.32	2	2,67	14/4/2025	03/02/2025	03/02/2025	18/10/2019	36

(Danh sách gồm 27 người)

Ghi chú

(17)

Ghi chú